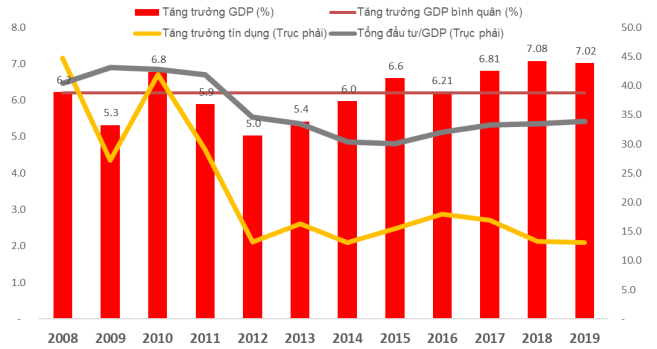


NĂM 2019: DUY TRÌ ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO

Năm 2019 đặc biệt thành công về tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng GDP cả năm 2019 đạt 7,02%, giảm nhẹ so với năm 2018 tuy nhiên cao hơn đáng kể so với mục tiêu 6,8% đã được đặt ra và là mức tăng trưởng cao nhất trong các nước ASEAN. Tăng trưởng GDP 2019 có sự đóng góp lớn nhất từ nhóm ngành sản xuất và xây dựng (50,4%) và ngành dịch vụ (45% tổng tăng trưởng). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cả năm cũng đạt kết quả tốt hơn mục tiêu đã đề ra. Cụ thể lạm phát cả năm tăng 2,79% so với năm 2018 (Mục tiêu dưới 4%), tỷ giá liên ngân hàng VND-USD giảm 0,1% so với đầu năm (mục tiêu giảm giá VND so với USD 2%), lãi suất cho vay giảm nhẹ, giải ngân FDI đạt 20,4 tỷ USD (năm 2018: 19,1 tỷ USD), xuất và nhập khẩu tăng trưởng tương ứng 8,1% và 7% so với 2018, thặng dư thương mại 9,9 tỷ USD, dự trữ ngoại hối đạt 79 tỷ USD (tăng 20 tỷ USD so với 2018). Bên cạnh đó các chỉ tiêu về thu ngân sách, tỷ lệ nợ công/GDP, tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng cung tiền (xem bảng) có mức biến động phù hợp với mục tiêu đã đặt ra. Tác động của chính sách tiền tệ tới sự ổn định, tương tự như năm 2018, là rõ ràng và Việt Nam đã phát huy được lợi thế về dòng vốn FII và FDI chảy vào nền kinh tế để duy trì sự ổn định đối với tỷ giá và gia tăng dự trữ ngoại hối. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện khi của chỉ số tăng trưởng tổng hợp và ICOR bình quân giai đoạn 2016-2019 tương ứng là 44,46% và 6,14 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 là 33,58% và 6,25. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang có sự tăng trưởng chậm lại, Việt Nam đang là điểm sáng về khả năng thu hút đầu tư và duy trì tốc độ tăng trưởng.

TĂNG TRƯỞNG GDP, TÍN DỤNG VÀ TỶ LỆ ĐẦU TƯ XÃ HỘI/GDP CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2008-2019



Nguồn: GSO/VFM

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2019

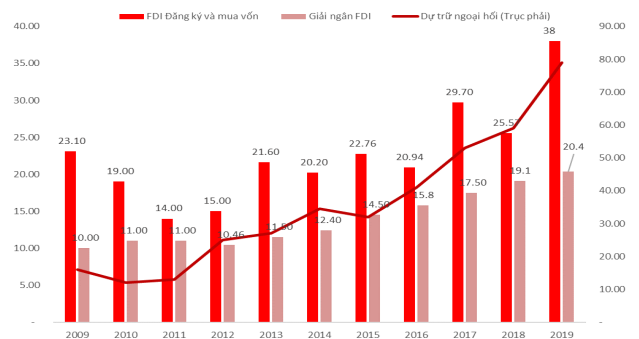
Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô	2018	2019 (F)	2019 (A)	Đơn vị
Tăng trưởng GDP	7.08	6.6-6.8	7.07	% so với năm trước
Xuất khẩu (% GDP)	103.3	106	105	% của GDP
Tăng trưởng xuất khẩu	13.8	12	8.1	% so với năm trước
Tăng trưởng nhập khẩu	11.5	7-8	7	% so với năm trước
Cán cân thương mại	7.2	<-3%	9.9	Tỷ Đô la
Dự trữ ngoại hối	59.0	61	79	Tỷ Đô la
Lạm phát (cả năm)	3.5	<4%	2.79%	% so với năm trước
Tăng/giảm giá VND so với USD	-2.2	-2 tới -3	-0.1	%
Tăng trưởng cung tiền M2	11.3	12	13	% so với năm trước
Lãi suất cho vay bình quân	9	9.5	9.3	%
Tăng trưởng tín dụng	13.3	14	13.1	% so với năm trước
Nợ công	61.2	61.3	61.3	% của GDP
Nợ nước ngoài	49.9	49	49	% của GDP

Nguồn: GSO/VFM

CÁC ĐỘNG LỰC CHO TĂNG TRƯỞNG TIẾP TỤC ĐƯỢC DUY TRÌ

Tương tự như năm 2018, các động lực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong trung hạn đang thể hiện sự duy trì mạnh mẽ, bao gồm việc thu hút FDI, gia tăng hoạt động sản xuất, tăng xuất khẩu và gia tăng tiêu dùng nội địa. Từ góc độ sản xuất, chỉ số PMI tháng 12 2019 đạt 50,8 điểm thể hiện việc duy trì mở rộng hoạt động sản xuất đã diễn ra liên tục từ tháng 12 2015 và đạt các mốc cao trong quý 4 2018. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) tăng 9,1% trong năm 2019 (2018: 10,2%) trong đó ngành chế biến chế tạo có tốc độ tăng trưởng 10,4% so với 2018 (2018: 12,3%). Hoạt động xuất khẩu 2019 tuy có tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với năm 2018 (8,1% so với 13,8%) vẫn là tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh giao dịch hàng hóa toàn cầu tăng trưởng rất chậm trong năm 2019 do tác động của chiến tranh thương mại. Đối với FDI, ngành sản xuất, chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút vốn FDI nhiều nhất với tổng vốn đăng ký mới và tăng vốn tại các dự án đạt 17,5 tỷ USD chiếm 77,7% trong tổng giá trị 22,5 tỷ USD đăng ký mới và tăng vốn trong cả năm 2019, đây là điểm thay đổi đáng quan tâm. Bên cạnh việc gia tăng xuất khẩu, tiêu dùng trong nước cũng đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn trong năm 2019 (10,8%) so với năm 2018 (11,7%). Nếu điều chỉnh cho lạm phát, tốc độ tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ năm 2019 so với năm 2018 là 9,2% (năm 2018 so với 2017 là 9,4%) và xu hướng tăng trưởng nhanh của giá trị bán lẻ hàng hóa dịch vụ trong giai đoạn 2012-2019 là rõ rệt.

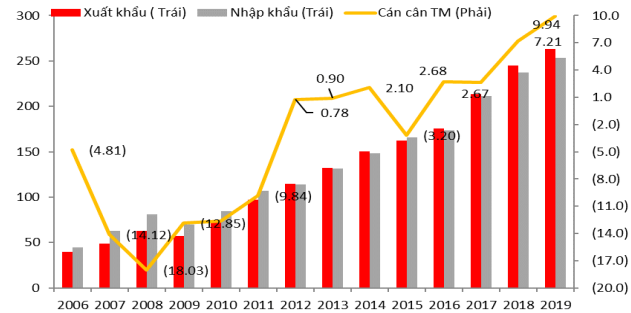
FDI ĐĂNG KÝ, GIẢI NGÂN VÀ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI THEO NĂM GIAI ĐOẠN 2009-2019



Nguồn: GSO/VFM

Với độ mở của nền kinh tế (tính theo tổng giá trị xuất nhập khẩu) lên tới 205% GDP 2019 (2018: 196,8%), việc gia tăng tiêu dùng nội địa có vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định của nền kinh tế Việt Nam. Các dự báo cho thấy khu vực chế biến chế tạo tiếp tục là lĩnh vực tiếp tục thu hút được vốn FDI trong năm 2020 bên cạnh ngành bất động sản. Các động lực tăng trưởng nêu trên sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2020.

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THẶNG DƯ THƯƠNG MẠI (TỶ USD) - GIAI ĐOẠN 2012-2018

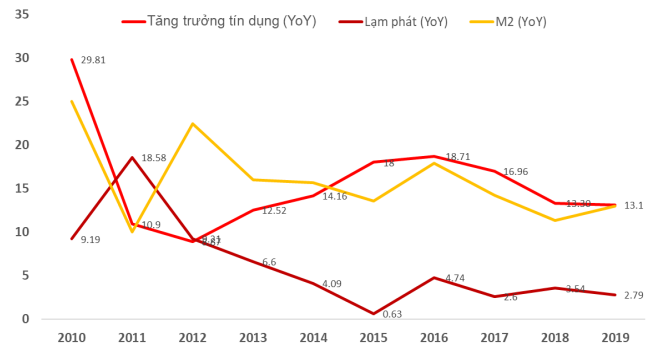


Nguồn: GSO/VFM

DỰ BÁO CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VÀ TÀI KHÓA CHO NĂM 2020

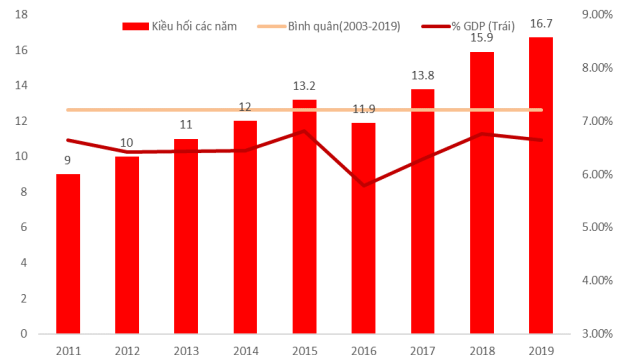
Mục tiêu tăng trưởng GDP đã được Chính phủ đặt ra cho năm 2020 là 6,8%, là mục tiêu cao trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Xu hướng chính sách tiền tệ nới lỏng thận trọng bắt đầu từ quý 4 năm 2019 sẽ được tiếp tục trong năm 2020, thể hiện qua mục tiêu tăng trưởng tín dụng và cung tiền cho nền kinh tế được tiếp tục duy trì ở mức dưới 14% cho năm 2020 (mục tiêu năm 2019 là 14%). Năm 2019, tăng trưởng tín dụng và cung tiền là 13,1% và 13% (2018: 13,3% và 11,34%; 2017: 16,96% và 14,19%), tuy nhiên mặt bằng lãi suất đã được SBV điều chỉnh giảm từ cuối năm 2019. Mục tiêu về kiểm soát lạm phát sẽ quay lại trong danh sách ưu tiên của Ngân hàng Nhà nước (SBV) sau năm 2019 có mức tăng lạm phát thấp nhất trong giai đoạn 2017-2019. SBV sẽ tiếp tục duy trì chính sách tỉ giá trung tâm linh hoạt để kiểm soát tỷ giá VND-USD, tỷ giá VND-USD biến động trong biên độ hẹp (+/-1%) so với đồng USD có thể tiếp tục xảy ra trong bối cảnh xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ tiếp tục tăng mạnh và Việt Nam đang là nước đứng thứ 5 trong danh sách các mức xuất siêu vào Mỹ tại thời điểm cuối năm 2019. Vai trò của chính sách tài khóa sẽ có sự cải thiện đáng kể trong năm 2020. Chính sách tài khóa đã không phát triển được trong năm 2018 -2019 mặc dù tổng đầu tư toàn xã hội không có sự suy giảm (tỷ lệ tổng đầu tư toàn xã hội tính trên GDP đạt 33,9% GDP 2019 và 33,5% GDP 2018) do sự gia tăng đầu tư của khu vực tư nhân. Các trở ngại chính sách đối với đầu tư công đã được tháo gỡ và các dự án đầu tư lớn đã hoàn tất giai đoạn chuẩn bị và đi vào giải ngân trong năm 2020 với quy mô dự tính khoảng 500 ngàn tỷ đồng. Do vậy đầu tư công có thể là tác nhân mới tạo nên khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế trong năm 2020. Việc gia tăng đầu tư công cũng là nguồn lực quan trọng để giải quyết vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng để đảm bảo nền kinh tế có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cần thiết trong dài hạn.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VÀ CUNG TIỀN TRONG TƯƠNG QUAN VỚI TĂNG TRƯỞNG GDP (%) GIAI ĐOẠN 2010 - 2019



Nguồn: SBV/VFM

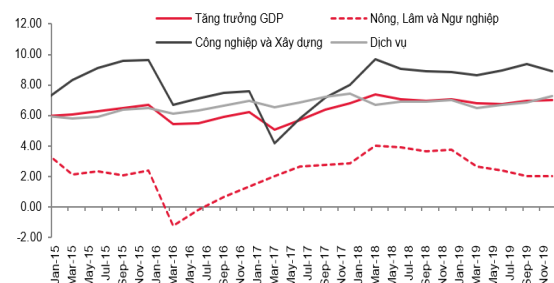
KIỀU HỐI (TỶ USD) VÀ TỶ LỆ SO SÁNH VỚI GDP CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2011-2019



CÁC VẤN ĐỀ ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM TRONG NĂM 2020

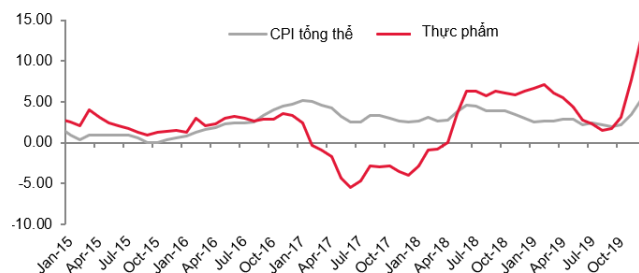
Lạm phát, suy giảm sản xuất do tác động của suy giảm kinh tế toàn cầu, rủi ro phát sinh từ bất ổn địa chính trị là các yếu tố có thể mang lại rủi ro cho nền kinh tế Việt Nam tại thời điểm đầu năm 2020. Với việc lạm phát tháng 12 2019 tăng 1,4% so với tháng 11 và lạm phát bình quân quý 4 2019 tăng 3,66% so với quý 4 2018, chủ yếu do nguyên nhân của tăng giá thực phẩm – giá thị trường (xem đồ thị), các dự báo cho thấy lạm phát sẽ tăng cao trong nửa đầu năm 2020 trước khi giảm dần trong nửa sau năm.

TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ CÁC KHỐI NGÀNH TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM (%) 2015-2019



Các dự báo cho thấy CPI năm 2020 được nhận định ở mức 3,5% -3,8% so với 2019. Việc lạm phát tăng trở lại sẽ cản trở SBV trong việc tiếp tục tác động giảm mật bằng lãi suất và cản trở Chính phủ trong việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế. Việt Nam là nước có tỷ trọng xuất khẩu/GDP lên tới 105% (2019) và xuất khẩu phụ thuộc vào 3 thị trường chính là Mỹ, EU và Trung quốc, bất cứ sự suy giảm tăng trưởng nào tại các thị trường xuất khẩu chính sẽ gây ảnh hưởng xấu tới tăng trưởng của Việt Nam. Các chỉ số cũng cho thấy các dấu hiệu hoạt động sản xuất có dấu hiệu chậm lại trong các tháng cuối năm 2019, khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) có dấu hiệu sự suy giảm đồng hành với sự suy giảm chỉ số PMI, xuất phát từ nguyên nhân suy giảm sản lượng và đơn đặt hàng xuất khẩu mới. Bên cạnh đó, các biến động địa chính trị như tranh chấp trên biển Đông, xung đột tại Trung Đông, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung đều là các nguyên nhân gây ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả hàng hóa và gây nên tác động xấu tới kinh tế Việt Nam trong năm 2020.

LẠM PHÁT VÀ LẠM PHÁT NHÓM HÀNG THỰC PHẨM (%) GIAI ĐOẠN 2015-2019



Nguồn: VFM